

Exercise: Vietnamese to English Translation

Bài tập dưới đây mục tiêu giúp các bạn hình dung cách viết câu ghép và câu phức bao gồm **although, if, unless, câu bị động, câu có chứa chủ ngữ giả ...** ở các topics thú vị mà chúng ta thường gặp trong IELTS.

Lưu ý: Đối với văn viết, sự linh hoạt phù hợp cũng rất mệnh mông, điều đó có nghĩa là đáp án mà cô đưa ra không phải là duy nhất, cái mà bạn có thể tham khảo thêm là ngữ pháp + từ vựng tự nhiên trong câu đáp án. Khi bạn bị báo sai đáp án, không có nghĩa là bạn kém cỏi và sai hoàn toàn. Điều quan trọng là xem lại bài, sau khi đã làm và rút kinh nghiệm những điểm đã tốt và những điểm cần cải thiện.

The Environment:

1. **Vietnamese:** Dù môi trường bị ảnh hưởng nặng nề, một số người vẫn thiếu ý thức về việc bảo vệ nó. (gợi ý dùng từ lack)

English:

2. **Vietnamese:** Nếu chúng ta không hạn chế sử dụng nhựa một lần, chúng ta sẽ tiếp tục gây ra nhiều hại cho hành tinh. (gợi ý dùng từ limit)

English:

Technology:

3. **Vietnamese:** Trong xã hội ngày nay, điện thoại thông minh đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống của chúng ta. (gợi ý dùng từ indispensable)

English:

4. **Vietnamese:** Bạn có thể so sánh hai ứng dụng và đưa ra quyết định về việc nào phù hợp hơn cho bạn. (gợi ý dùng từ applications)

English:

Education:

5. **Vietnamese:** Mặc dù nguồn tài trợ giáo dục có hạn, chính quyền nên đảm bảo mọi trẻ em có cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng. (gợi ý dùng từ ensure & access)

English:

6. **Vietnamese:** Để nâng cao chất lượng giảng dạy, trường học cần đầu tư vào phát triển nâng cao năng lực giảng dạy của giáo viên.

English:

Health:

7. **Vietnamese:** Hãy so sánh hai loại thực phẩm và chọn loại nào làm tăng nguy cơ mắc bệnh tim.

English:

8. **Vietnamese:** Chúng ta cần tăng cường công việc tư vấn về dinh dưỡng để ngăn ngừa các bệnh lý liên quan đến thức ăn.

English:

Công thức cần lưu ý trong đây là:

Mặc dù	Even though/ Although + Mệnh đề đầy đủ, 1 mệnh đề ngược ý
	In spite of/ Despite of + Noun/ V-ing, 1 mệnh đề ngược ý
Bởi vì	Because/ Given that + mệnh đề đầy đủ, 1 mệnh đề kết quả
	Due to + Noun/ V-ing, 1 mệnh đề kết quả

Đã bao giờ bạn cảm thấy bí từ để diễn đạt cho ý “thời đại hiện nay” chưa?

Tham khảo ngay 1 số cụm dưới đây và ứng biến cho các bài viết linh hoạt nhé:

Today/ Nowadays	In light of technological proliferation
In contemporary times	In today's modern society
In the contemporary era	In this ever-increasing changing world
In recent times/ years	In today's world